



KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Đối tượng áp dụng: Từ khóa tuyển sinh 2016

Ngành: **QUẢN TRỊ KINH DOANH**
 Chuyên ngành: **Quản trị doanh nghiệp thủy sản**
 Mã số ngành: **52340101**
 Khoa: **Kinh tế**

Tổng khối lượng kiến thức:

126 tín chỉ tích lũy

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tính chất (bắt buộc hay tự chọn)	Số tín chỉ	Phân bổ tín chỉ					Đơn vị quản lý học phần	Ghi chú
					LT	TH/ TN	TT	ĐA MH	ĐA/ KLTN		
Học kỳ 1											
01	MAN201	Quản trị học	BB	3	3					K. GDĐC	
02	MAR201	Marketing căn bản	BB	3	3					K. GDĐC	
03	SKL101	Phương pháp học đại học	BB	3	3					K. GDĐC	
04	AQA301	Nhập môn ngành QTDNTS	BB	2	2					K. Kinh tế	
05	AQA306	Trải nghiệm ngành, nghề	BB	1			1			K. Kinh tế	
		Tổng Học kỳ 1		12	11	0	1	0	0		
Học kỳ 2											
01	NAS101	Môi trường và con người	BB	3	3					K. GDĐC	
02	ECO303	Kinh tế vi mô	BB	3	3					K. GDĐC	
03	ECO304	Kinh tế vĩ mô	BB	3	3					K. Kinh tế	
04		(Chọn 1 trong 3 học phần)	TC	3							
	ENG201	Tiếng Anh giao tiếp 1			3					K. GDĐC	
	NAS202	Toán cao cấp			3					K. GDĐC	
	INT201	Đại cương về công nghệ thông tin và truyền thông			3					K. GDĐC	
05		(Chọn 1 trong 3 học phần)	TC	3							
	MAR420	Quản trị thương hiệu			3					K. Kinh tế	
	BUS431	Văn hóa doanh nghiệp			3					K. Kinh tế	
	SUC410	Quản trị logistics và chuỗi cung ứng			3					K. Kinh tế	
		Tổng Học kỳ 2		15	15	0	0	0	0		
Học kỳ 3											
01	LAW101	Pháp luật đại cương	BB	3	3					K. GDĐC	
02	NAS203	Thống kê ứng dụng	BB	3	3					K. GDĐC	
03	AQA403	Sinh học đại cương	BB	3	3					K. Kinh tế	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tính chất (bắt buộc hay tự chọn)	Số tín chỉ	Phân bổ tín chỉ					Đơn vị quản lý học phần	Ghi chú
					LT	TH/ TN	TT	ĐA MH	ĐA/ KLTN		
04	AQA420	Kiến tập ngành nghề QTDNTS	BB	1	1					K. Kinh tế	
05		<i>(Chọn 1 trong 3 học phần)</i>	TC	3							
	AQA410	Công nghệ sản xuất giống thủy sản			3					K. Kinh tế	
	AQA415	Quản lý nghề cá			3					K. Kinh tế	
	MAN409	Quản trị chiến lược			3					K. Kinh tế	
		Tổng Học kỳ 3		13	13	0	0	0	0		
Học kỳ 4											
01	POL102	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1	BB	2	2					K. GDĐC	
02	ACC201	Kế toán đại cương	BB	3	3					K. GDĐC	
03	AQA405	Thủy sản đại cương	BB	3	3					K. Kinh tế	
04	AQA401	Sinh hóa đại cương	BB	3	3					K. Kinh tế	
05		<i>(Chọn 1 trong 3 học phần)</i>	TC	3							
	FIN301	Lý thuyết tài chính - tiền tệ			3					K. Kinh tế	
	ACC409	Kế toán quản trị			3					K. Kinh tế	
	PUR410	Quan hệ công chúng			3					K. Kinh tế	
		Tổng Học kỳ 4		14	14	0	0	0	0		
Học kỳ 5											
01	ECO302	Kinh tế lượng	BB	3	3					K. GDĐC	
02	AQA408	Công nghệ nuôi trồng thủy sản	BB	3	3					K. Kinh tế	
03	AQA417	Thực tập 1 QTDNTS	BB	2			2			K. Kinh tế	
04	AQA411	Dinh dưỡng thức ăn thủy sản	BB	3	3					K. Kinh tế	
05		<i>(Chọn 1 trong 3 học phần)</i>	TC	3							
	MAR419	Quản trị marketing dịch vụ			3					K. Kinh tế	
	AQA409	Bệnh học thủy sản			3					K. Kinh tế	
	BUS305	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh			3					K. Kinh tế	
		Tổng Học kỳ 5		14	12	0	2	0	0		
Học kỳ 6											
01	POL103	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2	BB	3	3					K. GDĐC	
02	SOS101	Kinh tế, văn hóa, xã hội ASEAN	BB	3	3					K. GDĐC	
03	AQA404	Sinh học thủy sản	BB	3	3					K. Kinh tế	
04		<i>(Chọn 1 trong 3 học phần)</i>	TC	3							
	ENG202	Tiếng Anh giao tiếp 2			3					K. GDĐC	
	PSY201	Tâm lý học đại cương			3					K. GDĐC	
	SOS204	Các vấn đề xã hội đương đại			3					K. GDĐC	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tính chất (bắt buộc hay tự chọn)	Số tín chỉ	Phân bổ tín chỉ					Đơn vị quản lý học phần	Ghi chú
					LT	TH/TN	TT	ĐA/MH	ĐA/KLTN		
05		<i>(Chọn 1 trong 3 học phần)</i>	TC	3							
	AQA410	Công nghệ sản xuất giống thủy sản			3					K. Kinh tế	
	AQA415	Quản lý nghề cá			3					K. Kinh tế	
	MAN409	Quản trị chiến lược			3					K. Kinh tế	
		Tổng Học kỳ 6		15	15	0	0	0	0		
Học kỳ 7											
01	POL104	Tư tưởng Hồ Chí Minh	BB	2	2					K. GDĐC	
02	BUS101	Tinh thần khởi nghiệp	BB	3	3					K. GDĐC	
03	AQA407	Bảo quản và chế biến thủy sản	BB	3	3					K. Kinh tế	
04	AQA418	Thực tập nghề nghiệp QTDNTS	BB	2			2			K. Kinh tế	
05		<i>(Chọn 1 trong 3 học phần)</i>	TC	3							
	MAN416	Quản trị thương mại điện tử			3					K. Kinh tế	
	AQA414	Quản lý môi trường nước trong thủy sản			3					K. Kinh tế	
	FIN416	Quản trị rủi ro tài chính			3					K. Kinh tế	
		Tổng Học kỳ 7		13	11	0	2	0	0		
Học kỳ 8											
01	POL101	Đường lối cách mạng của Đảng CSVN	BB	3	3					K. GDĐC	
02	SOS102	Văn Hiến Việt Nam	BB	3	3					K. GDĐC	
03	BUS427	Tiếng Anh chuyên ngành Kinh tế	BB	3	3					K. Kinh tế	
04	AQA413	Sản xuất sạch hơn	BB	3	3					K. Kinh tế	
05		<i>(Chọn 1 trong 3 học phần)</i>	TC	3							
	MAN407	Quản trị chăm sóc khách hàng			3					K. Kinh tế	
	BUS422	Lập kế hoạch kinh doanh			3					K. Kinh tế	
	AQA402	Vi sinh đại cương			3					K. Kinh tế	
		Tổng Học kỳ 8		15	15	0	0	0	0		
Học kỳ 9											
01	AQA521	Thực tập tốt nghiệp	BB	3			3			K. Kinh tế	
02		<i>(Chọn 1 trong 3 học phần)</i>	TC	3							
	SOS205	Giao tiếp đa văn hóa			3					K. Kinh tế	
	SKL202	Kỹ năng hành chính văn phòng			3					K. Kinh tế	
	VIE201	Kỹ năng sử dụng tiếng Việt			3					K. Kinh tế	
03	AQA520	Khóa luận tốt nghiệp	TC	9					9	K. Kinh tế	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tính chất (bắt buộc hay tự chọn)	Số tín chỉ	Phân bổ tín chỉ					Đơn vị quản lý học phần	Ghi chú
					LT	TH/ TN	TT	ĐA MH	ĐA/ KLTN		
		<i>Các học phần thay thế KLTN:</i>	TC	9							
04	BUS419	Khởi nghiệp kinh doanh	BB	3	3					K. Kinh tế	
05	AQA416	Quản trị doanh nghiệp thủy sản	BB	3	3					K. Kinh tế	
06		<i>(Chọn 1 trong 2 HP)</i>	TC	3							
	AQA419	Thương mại thủy sản quốc tế			3					K. Kinh tế	
	AQA412	Kinh tế tài nguyên thủy sản			3					K. Kinh tế	
		Tổng Học kỳ 9		15	9	0	3	0	9		

- Ghi chú:**
1. Các học phần Giáo dục quốc phòng - An ninh: học tập trung trong thời gian hè, theo lịch của Trường.
 2. Các học phần Giáo dục thể chất sẽ được bố trí theo kế hoạch chung của toàn trường.
 3. Các học phần Kỹ năng mềm, Ngoại ngữ - Tin học chuẩn đầu ra: sinh viên liên hệ Viện Doanh trí Văn Hiến; Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học.

TL. HIỆU TRƯỞNG
TP. QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

Lê Sĩ Hải